

Giải pháp tiền tệ để kiềm chế lạm phát ở Việt Nam hiện nay

PGS. TS. NGUYỄN VĂN TRÌNH
 Khoa Kinh tế - ĐHQG TP.HCM

Trong thời gian qua Chính phủ đã nhận diện nguyên nhân của lạm phát cao ở Việt Nam và đã đưa ra một gói các giải pháp gồm 8 giải pháp bao hàm từ giải pháp tiền tệ cho đến giải pháp thúc đẩy sản xuất và cải thiện đời sống nhân dân nhằm một mặt cố gắng kiềm chế lạm phát, mặt khác, nhằm ổn định đời sống người lao động làm công ăn lương. Nhìn chung, các giải pháp mang tính chất toàn diện, bao quát nhưng việc áp dụng đồng thời các giải pháp này sẽ dẫn đến một số tác động trái ngược nhau, triệt tiêu nhau và nếu xét kỹ sẽ không thấy đâu là giải pháp cấp bách, trước mắt và đâu là giải pháp căn cơ, lâu dài. Chính vì vậy, trong chương trình nghị sự của cuộc họp Quốc hội diễn ra vào đầu tháng 5/2008 đến đầu tháng 6/2008 vấn đề nguyên nhân của lạm phát và các biện pháp kiềm chế lạm phát mà Chính phủ đã đề ra sẽ là một trong những vấn đề chính và nóng nhất của nghị trường. Trong thực tế, qua bốn tháng thực hiện các giải pháp kiềm chế lạm phát, tình hình lạm phát ở Việt Nam vẫn ở mức cao, mới chỉ bốn tháng mà mức độ

lạm phát đã đạt hai con số:

trên 11%, dự báo cả năm sẽ đạt trên dưới 20%.

Trong khi đó, dù cho có giữ mức tăng trưởng kinh tế

như kế hoạch đề ra là 8,5% thì những thành quả của tăng trưởng kinh tế năm 2008 sẽ mất đi ý nghĩa với phần lớn người dân Việt Nam, khi mà tăng trưởng kinh tế cao nhưng đời sống của họ không được cải thiện bởi vì mức sống thực tế đã giảm xuống do lạm phát gây ra. Do đó, việc phân tích nguyên nhân và đề xuất giải pháp kiềm chế mạnh hơn lạm phát vẫn là yêu cầu cấp bách hiện nay.

Trong khuôn khổ bài viết này tác giả muốn tranh luận về chính sách tiền tệ và lãi suất mà NHNN (NHNN) đang thực hiện theo sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Các ý kiến của tác giả được trình bày một cách chủ quan dựa trên những nhận định riêng của tác giả.

Thứ nhất, để có hệ thống, tác giả xin bàn về một số nguyên nhân dẫn đến lạm phát cao trong bốn tháng đầu năm 2008 để sau đó sẽ bàn đến các giải pháp tiền tệ đang thực hiện. Theo chúng tôi, ngoài nguyên nhân chủ yếu của lạm phát trong năm 2007 là tiền tệ thì lạm phát của Việt Nam trong bốn tháng đầu năm 2008 lại chủ yếu xuất phát từ phía giá chi phí tăng cao. Trước hết, giá dầu trên thị trường thế giới vẫn luôn giữ ở mức cao, hiện nay giá dầu dao động ở mức 118 - 120 USD/thùng ảnh hưởng rất lớn đến nền kinh tế Việt Nam, mặc dù Việt Nam là nước xuất khẩu dầu, nhưng khi giá dầu lên lại ảnh hưởng xấu đến nền kinh tế, bởi vì Việt Nam chưa có công nghiệp hóa dầu mạnh nên chủ yếu phải nhập xăng dầu và các nguyên liệu sản xuất từ dầu hỏa với giá cao, trong khi phải xuất khẩu dầu thô với giá thấp. Giá dầu tăng cao và giá cả các hàng hóa nguyên, nhiên vật liệu khác như sắt, thép, xi măng, phân bón... trên thế giới tăng cao quả thật đã đè nặng lên chi phí sản xuất của Việt Nam. Việt Nam phải nhập nhiều thứ hàng hóa máy móc,

thiết bị, nguyên, nhiên vật liệu cho sản xuất kinh doanh trong nước và cho xuất khẩu. Chỉ trong bốn tháng đầu năm 2008, mà mức nhập siêu của Việt Nam đã đạt cao nhất từ trước đến nay, đạt trên 11 tỷ USD, tăng đến 60% so với cùng kỳ năm 2007, với tổng kim ngạch nhập khẩu trên 39 tỷ USD, trong đó 80% là nhập máy móc thiết bị, nguyên, nhiên vật liệu phục vụ sản xuất. Nguyên nhân làm cho kim ngạch nhập siêu gia tăng nhanh là do giá cả các mặt hàng nhập khẩu gia tăng nhanh. Giá nhập khẩu tăng đã đẩy giá thành sản xuất trong nước tăng cao, để không bị lỗ, buộc nhà sản xuất, kinh doanh phải nâng giá bán lên, đẩy mức giá cả chung tăng lên. Trong khi đó, năng suất lao động của Việt Nam còn thấp, việc ứng dụng khoa học - công nghệ nhằm nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành sản phẩm còn ít, nên cũng không thể hạ giá bán sản phẩm hàng hóa.

Một nguyên nhân làm cho lạm phát tăng cao trong bốn tháng đầu năm 2008 là giá lương thực, thực phẩm trên thế giới tăng cao đã tác động đến giá cả lương thực thực phẩm trong nước tăng theo. Trong các nhóm mặt hàng tăng giá thì nhóm lương thực, thực phẩm là tăng nhanh nhất. Ngoài tác động từ bên ngoài, giá lương thực, thực phẩm trong nước tăng lên còn có nguyên nhân nội bộ nền kinh tế Việt Nam. Đó là do trong năm 2007 Việt Nam chịu nhiều thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh gây ra. Bão, lũ các tỉnh miền Bắc, Trung đã làm tình hình sản xuất lương thực thực phẩm của khu vực này gặp khó khăn, kèm theo dịch bệnh liên tục đã làm cho giá lương thực, thực phẩm tăng cao.

Thứ hai, về các giải pháp kiềm chế lạm phát cho năm 2008. Theo chúng tôi, trong thời gian qua



Chính phủ còn lúng túng trong việc thực hiện các giải pháp kiềm chế lạm phát đã được đề ra, nhất là các giải pháp tiền tệ. Chính sách tiền tệ và lãi suất của NHNN trong thời gian qua chưa rõ ràng, thiếu nhất quán và không kịp thời. Với vai trò điều hành chính sách tiền tệ, NHNN phải nắm thật kỹ và đầy đủ mọi thông tin về lượng tiền trong lưu thông, các luồng tiền đang chảy vào các khu vực nào của nền kinh tế, sự lưu chuyển đó tốt hay xấu để kịp thời điều chỉnh cho hợp lý. Không thể để xảy ra tình trạng tiền của các NHTM (NHTM) chảy vào các kênh đầu tư rủi ro như đầu cơ chứng khoán, đầu cơ bất động sản, đầu cơ vàng quá nhiều, vượt mức an toàn mà phải có biện pháp kiềm chế kịp thời.

Biện pháp thắt chặt tiền tệ đầu năm 2008 của NHNN cũng cần phải bàn cãi thêm. Trước hết nó ảnh hưởng xấu đến tính thanh khoản của các NHTM khi mà trong một thời gian dài NHNN buông lỏng kiểm soát đối với hệ thống NHTM. Đến khi dùng biện pháp thắt chặt tiền tệ thì các NHTM thiếu tiền mặt, dẫn đến tình trạng các NHTM đua lãi suất huy động, buộc NHNN phải ấn định trần lãi suất huy động tiền gửi nhằm tránh cuộc chạy đua lãi suất huy động sẽ ảnh hưởng đến lãi suất cho vay và ảnh hưởng đến đầu tư, sản xuất của nền kinh tế. Tuy nhiên hành động này lại bộc lộ nhược điểm của chính sách trần lãi suất huy động. Bởi vì, trần lãi suất huy động của NHNN quá thấp so với tỷ lệ lạm phát của nền kinh tế dẫn đến lãi suất thực âm quá cao, hiện nay trần lãi suất huy động tiền gửi là 12%/năm trong khi lạm phát dự kiến đến 20%/năm (-8%). Luồng tiền nhàn rỗi trong dân vì vậy không chảy vào hệ thống ngân hàng.

Đúng ra, trong tình hình lạm phát cao như hiện nay, NHNN nên thực hiện chính sách lãi suất thực dương linh động, kịp thời, đúng lúc để kiềm chế lạm phát. Lịch sử chống lạm phát ở Việt Nam, trong thời kỳ Thống đốc NHNN Lữ Minh Châu, đã minh chứng chính sách lãi suất thực dương có tác động rất tốt trong kiềm chế lạm phát, tất nhiên phải linh động, linh hoạt. Lãi suất thực âm đã dẫn đến tình trạng lượng tiền trong lưu thông không quay về NHTM mà chảy sang các kênh đầu tư khác, tuy có hiệu quả với nhà đầu

cơ, nhưng lại không hiệu quả cho nền kinh tế như kênh đầu cơ vàng chẳng hạn. Hiện nay một ngày trên thị trường vàng, khối lượng tiền tệ lưu chuyển đến 6.000 – 8.000 tỷ VND, lớn hơn gấp nhiều lần đối với kênh huy động vốn tốt hơn cho đầu tư sản xuất kinh doanh là kênh thị trường chứng khoán. Ngoài ra, chính sách lãi suất thực âm còn làm gia tăng nạn tín dụng đen đầy rủi ro, dễ gây đổ vỡ tín dụng kiểu “Thanh Hương”, “Đại Thành” của những năm 80 của thế kỷ trước. Hiện nay các chủ tiệm vàng đang đẩy mạnh hoạt động nhận gửi và cho vay trong dân như các NHTM, có điều là không có giấy phép, các chủ doanh nghiệp đang khát vốn sản xuất kinh doanh cũng đang đẩy mạnh hoạt động hút vốn trực tiếp từ trong dân với lãi suất nhận gửi cao hơn lãi suất huy động và thấp hơn lãi suất vay của NHTM, bởi vì, họ không thể tiếp cận đến nguồn vốn vay của NHTM.

Từ những nhận xét trên, chúng tôi thấy rằng, NHNN phải thực hiện chính sách thắt chặt tiền tệ linh động, nhạy bén, thay đổi kịp thời theo những biến đổi tình hình thực tế của nền kinh tế thì mới có thể kiềm chế được lạm phát. Trong tình hình hiện nay phải kiên trì đeo đuổi chính sách lãi suất thực dương cả về hai phía nhận gửi và cho vay, chứ không phải chỉ một phía cho vay như hiện nay. Khi mà NHNN không ấn định trần lãi suất cho vay đối với các NHTM, nên các NHTM đẩy lãi suất cho vay lên cao hơn mức lạm phát thực tế và bằng với mức lạm phát dự kiến, điều này ảnh hưởng đến các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh. Để khắc phục tình trạng này, theo chúng tôi, NHNN nên ấn định trần lãi suất cho vay thay vì lại ấn định trần lãi suất nhận gửi.

Bên cạnh đó, chính sách tiền tệ kiên trì lãi suất thực dương vừa phải nhằm thúc đẩy đầu tư mà vẫn kiềm chế được mức tổng cầu tiền tệ, nhất là đối với những khoản cầu tiền tệ không cần thiết cho nền kinh tế. Chẳng hạn như NHNN có thể thay đổi chính sách hạn mức dư nợ tín dụng đối với cho vay kinh doanh chứng khoán và kinh doanh đất đai, bất động

sản, kinh doanh vàng và các hoạt động kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ trong nền kinh tế. Theo chúng tôi, cần thiết nên mở rộng hạn mức cho vay kinh doanh chứng khoán của các NHTM lên để thúc đẩy thị trường chứng khoán phục hồi và tăng trưởng trở lại, hành vi này cũng giúp NHTM không phải tháo khoán ô ạt hiện nay, làm giá cổ phiếu sụt giảm mạnh gây thiệt hại cho các doanh nghiệp và cho cả các ngân hàng. Đồng thời kiên trì chính sách xiết chặt hạn mức dư nợ cho vay kinh doanh bất động sản, vàng để hạn chế mức tăng giá của các mặt hàng này, và hạn chế đổ vỡ tín dụng khi thị trường bất động sản bị đóng băng, hoặc giá vàng trên thế giới sụt giảm bất ngờ như vừa qua. Bởi vì, dù sao đi nữa tình hình vốn hóa và tính thanh khoản trên thị trường chứng khoán tăng cao sẽ làm cho nền kinh tế năng động hơn, nguồn vốn đi vào đầu tư nhiều hơn, hàng hóa sản xuất ra nhiều hơn, tạo nhiều công ăn việc làm hơn, làm cho nền kinh tế tăng trưởng nhanh hơn là vốn chảy vào các thị trường bất động sản và vàng. Điều đó có thể thấy, trong khi vốn chảy vào thị trường nhà đất, bất động sản nhiều, dẫn đến cảnh mua bán đất đai lòng vòng, đẩy giá đất tăng cao, đẩy giá nhà tăng cao, đẩy chi phí sản xuất tăng cao, có tác động làm mức giá chung tăng cao. Vốn chảy vào thị trường vàng thì vàng thường được rút ra và đi vào cất trữ thì nó không sinh ra một lượng của cải nào mới, lớn hơn, một kilogram vàng dự trữ qua nhiều năm thì nó vẫn là một kilogram vàng chứ không tăng lên được. Nói cách khác NHNN nên điều hành chính sách tiền tệ một cách khôn khéo và linh hoạt hơn, nên sử dụng một cách tốt hơn và kịp thời các công cụ của chính sách tiền tệ phù hợp với sự thay đổi tình hình kinh tế - xã hội.

Tóm lại, NHNN Việt Nam nên sớm trở thành một cơ quan độc lập hơn với Chính phủ trong việc chủ động thực hiện và kiểm soát chính sách tiền tệ, đó là chức năng chủ yếu của một Ngân hàng Trung ương của một quốc gia ■